

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THƯỜNG XUÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 23/8/2024  
V/v: “Tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình, ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm**

**Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huyền và bà Lê Thị Liên**

**- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam – Thư ký Tòa án nhân dân  
huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa:  
Ông Vũ Văn Hùng – Kiểm sát viên.**

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐHPT- HNGĐ ngày 07/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngân Thị P, sinh năm 1982 (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Vi Văn H, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện T, tỉnh Thanh Hoá

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2024; Các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Ngân Thị P trình bày:

**- Về hôn nhân:** Chị Ngân Thị P và anh Vi Văn H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 23/6/2003. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2005 thì nảy sinh mâu thuẫn, tuy nhiên chưa đến mức trầm trọng. Từ khoảng thời

gian từ năm 2005 đến 2016 vợ chồng liên tục mâu thuẫn, nhưng chị vẫn chịu đựng để sống vì con, chăm lo cho gia đình. Thời gian từ đầu năm 2022 đến nay vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong sinh hoạt vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh H không quan tâm gia đình và thường xuyên cãi cọ nhau, thậm chí anh H còn đánh đập chị dẫn đến hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay chị P, anh H người nào biết người đó không còn quan tâm tới nhau, mặc dù hai bên gia đình nội, ngoại đã khuyên giải hai vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con nhưng tình hình vẫn không cải thiện, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2023 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên chị Phương đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Vi Văn H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Vi Xuân T, sinh ngày 10/5/2004 và cháu Vi Thị T, sinh ngày 13/3/2009. Cháu T đã trưởng thành có sức khoẻ lao động bình thường cháu ở với ai tùy cháu nên không yêu cầu; còn cháu Vi Thị T đang ở cùng chị P, khi ly hôn chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2024 đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Tại các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vi Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Hùng đồng ý với phần nội dung trình bày và việc đăng ký kết hôn của chị Ngân Thị P là đúng. Trong quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, một thời gian sau do kinh tế gia đình khó khăn nên anh H đi làm ăn xa để kiếm sống. Khi anh đi làm ở xa nhà thì chị P bỏ về nhà bố mẹ để ở một thời gian mới về, khi chị P về cũng không quan tâm đến anh dẫn tới tình cảm không còn. Gia đình hai bên nội, ngoại đã khuyên giải vợ chồng đoàn tụ nuôi con nhưng chị P vẫn không đồng ý, cương quyết ly hôn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2023 cho đến nay. Anh H xác định vẫn còn tình cảm với chị P, không muốn ảnh hưởng tới con cái và anh H nghĩ mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn với chị P.

- Về con chung: Anh đồng ý về phần trình bày về con chung của chị P. Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Vi Xuân T, sinh ngày 10/5/2004 và cháu Vi Thị T, sinh ngày 13/3/2009. Cháu T đã trưởng thành có sức khoẻ lao động bình thường nên không yêu cầu, còn cháu T anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Chị Ngân Thị P và anh Vi Văn H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 27/6/2024 về nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn giữa chị Phương và anh Hùng tại địa phương thể hiện: Chị P và anh H xây

dựng gia đình với nhau từ năm 2003, vợ chồng có 02 người con, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, đến khoảng năm 2022 trở lại đây anh H và chị P có xảy ra mâu thuẫn, xung đột, gia đình nội, ngoại đã động viên, khuyên giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không cải thiện được dẫn đến phải đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Về việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng theo luật định.

+ *Nội dung*:

*Về hôn nhân*: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngân Thị P được ly hôn anh Vi Văn H.

*Về con chung*: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Vi Xuân T, sinh ngày 10/5/2004 và cháu Vi Thị T, sinh ngày 13/3/2009, cháu Vi Xuân T đã trưởng thành chị P, anh H không yêu cầu giải quyết; còn cháu Vi Thị T đang ở với chị P, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ nên áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh H phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đồng/ tháng.

*Về tài sản, công nợ*: Chị P và anh H đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Ngân Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Vi Văn H, anh H vắng mặt, Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Chị Ngân Thị P khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Vi Văn H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Bị đơn anh Vi Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2]. *Về nội dung*:

- *Về hôn nhân*: Chị Ngân Thị P và bị đơn anh Vi Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị P là có cơ sở, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị P và anh H kéo dài, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh H ghen tuông vô cớ, không quan tâm gia đình dẫn đến hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc. Hai bên gia đình nội, ngoại, đã khuyên giải nhiều lần, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, Tòa án đã xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống. Như vậy, xác định mâu thuẫn giữa chị Phương và anh Hùng đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện việc chị P và anh H đã sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2023 đến nay, trong thời gian ly thân không ai còn quan tâm, hàn gắn, hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P được ly hôn với anh H là có căn cứ.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Vi Xuân T, sinh ngày 10/5/2004 và cháu Vi Thị T, sinh ngày 13/3/2009. Cháu Vi Xuân T đã trưởng thành có sức khoẻ lao động bình thường nên không xem xét. Còn cháu T, chị P và anh H đều có nguyện vọng nuôi cháu T.

Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị P và anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng xin nuôi con của anh, chị là hoàn toàn chính đáng, Vi Thị T đang trong độ tuổi đi học, do đó rất cần sự quan tâm chăm sóc ăn học cho cháu T là trách nhiệm của bố, mẹ. Tuy nhiên, cháu Vi Thị T có nguyện vọng ở với chị P. Từ khi vợ chồng ly thân cháu T ở với chị P, chị P vẫn nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục cháu T đảm bảo tốt về mọi mặt; đồng thời cháu T lại là con gái nên rất cần sự chăm sóc, quan tâm, giáo dục của người mẹ, để tiện cho việc học tập và sinh hoạt.

Xét nguyện vọng nuôi con của anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh nuôi cháu T và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung là không đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Để đảm bảo về mặt tâm lý, ổn định, để không xáo trộn cuộc sống, tạo điều kiện phát triển tốt về thể chất, đảm bảo việc học tập cũng như sinh hoạt của cháu. Vì vậy, căn cứ Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu T cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Vi Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền là 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, anh H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. *Về tài sản chung; nợ chung*: Chị Ngân Thị P và anh Vi Văn H không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp anh Vi Văn H vắng mặt không có lý do tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt, các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử xét xử vắng mặt anh Vi Văn Hùng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. *Về án phí*: Chị Ngân Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81,82, 83 luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

*Xử*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngân Thị P

*Về hôn nhân*: Chị Ngân Thị P được ly hôn anh Vi Văn H.

*Về con chung*: Chị P, anh H có 02 (hai) con chung là cháu Vi Xuân T sinh ngày 10/5/2004 và cháu Vi Thị T, sinh ngày 13/3/2009. Cháu T đã trưởng thành có sức khoẻ lao động bình thường nên không yêu cầu; Giao cháu Vi Thị T cho chị Ngân Thị P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Vi Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2024 đến khi cháu Vi Thị T trưởng thành, anh H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Về tài sản và công nợ*: Chị Ngân Thị P và anh Vi Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí*: Chị Ngân Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị P đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006404 ngày 03/6/2024. Số tiền này được trừ vào số tiền án phí mà chị P phải nộp, chị P đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Buộc anh Vi Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

*Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*Về quyền kháng cáo*: Chị Ngân Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/8/2024), anh Vi Văn H có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân H. Thường Xuân;
- PGĐKTNV-TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Thường Xuân;
- UBND xã Yên Nhân, H. Thường Xuân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Lê Thị Tâm**



